

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày 16 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Lợi

Bà Trần Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2019/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q; sinh ngày 01/8/1991; tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn P, xã Th, huyện Th, tỉnh T; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Không xác định; con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; có vợ Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1998; bị cáo chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/QĐ-TA ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh T đưa vào Trung tâm cai nghiện ma túy và chăm sóc đối tượng xã hội - Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Thái Bình trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 04/11/2017. Chấp hành xong ngày 04/11/2018; Nhân thân: Bản án số 65/2012/HSST ngày 25/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn chấp hành

hình phạt tù kể từ ngày 01/2/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2012, chấp hành xong án phí ngày 25/4/2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Lê Đức V, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Th 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1- Anh Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1983; Cư trú: Thôn Ph, xã Th, huyện Th, tỉnh T; vắng mặt.

2- Ông Lê Công L, sinh năm 1965; Cư trú: đường B, tổ 18, phường T, thành phố T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và Lê Đức V quen nhau từ đầu năm 2019 qua bạn bè của hai bên. Ngày 12/9/2019, anh V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 17B3 - 111.86 trị giá 15.000.000 đồng của anh V chở Q từ huyện Th lên thành phố T, tỉnh T chơi. Trên đường đi, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh V. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi Q và anh V đang ở nhà trọ của anh V tại tổ 06, phường Tr, thành phố T, Q nói dối anh V “ông cho tôi mượn xe máy tôi đi mua bao thuốc lá tý tôi về”, mục đích Q nói như vậy để anh V tin tưởng, giao xe cho Q. Anh V nghĩ Q nói thật nên đưa chìa khóa xe mô tô cho Q. Q lấy được xe đã điều khiển xe đi thẳng đến cửa hàng cầm đồ QL, do ông Lê Công L làm chủ. Khi gặp ông L, Q nói: “Chú cho cháu cầm chiếc xe máy này mấy ngày, cháu đang cần tiền”. Ông L hỏi: “Có giấy tờ gì không, xe này là xe của ai?”. Q trả lời: “Xe của cháu, do cháu mải đi nên giấy tờ cháu để ở nhà, chỉ có chứng minh thư nhân dân thôi”. Q đưa cho ông L chứng minh thư nhân dân của mình, ông L yêu cầu Quân viết 01 giấy viết tay cam đoan xe máy trên là xe chính chủ, đồng ý cầm cố xe và đưa cho Q 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Q đã tiêu xài cá nhân hết. Anh Lê Đức V chờ ở phòng trọ không thấy Q về trả xe nên đã gọi điện cho Q nhưng Q không nghe máy. Sau đó anh V gọi điện cho Q nhiều lần để yêu cầu trả xe nhưng Q không trả. Ngày 23/9/2019, anh V đã làm đơn trình báo lên Công an thành phố Thái Bình. ngày 24/9/2019, khi Cơ quan Công an thành phố Thái Bình triệu tập Q lên làm việc, Q đã khai nhận hành vi như đã nêu trên. Do không có tiền, Q nhờ anh Nguyễn Thế Ph là chú của Q đến nhà ông L chuộc lại xe. Sau khi lấy được xe anh Ph đã

giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 17B3 - 111.86 cho Công an thành phố Thái Bình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KLĐG-HĐĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 17B3 - 111.86 trị giá 15.000.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKSNDTP ngày 25/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Nguyễn Văn Q về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của anh Lê Đức V; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Ph, ông Lê Công L; kết luận định giá tài sản số 41/KLĐG-HĐĐG ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình. Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Lê Đức V để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 14 giờ ngày 12/9/2019 tại tổ 06, phường Tr, thành phố T, Nguyễn Văn Q đã dùng lời nói gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển kiểm soát 17B3 - 111.86, trị giá 15.000.000 đồng của anh V. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 174 Bộ luật Hình sự: Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật hình sự 2015, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.”.

[3] Xét tính chất và mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân

dân, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, phải xét xử mức án nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn Q có 01 tiền sự về xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian chấp hành là 12 tháng và nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Q thành khẩn khai báo, bị cáo tác động cùng gia đình khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”* do bị cáo có việc làm nhưng thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với ông Lê Công L là chủ Dịch vụ cầm đồ QL, ông L là người đã cho bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 17B3 - 111.86, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có hình thức xử lý đối với ông Lê Công L là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thế Ph là người đã bỏ tiền 5.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 17B3 - 111.86 và đã giao nộp cho cơ quan Công an. Anh Ph không yêu cầu Q phải trả số tiền này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Ngày 28/11/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Lê Đức V chiếc xe trên,

anh V đã nhận lại xe và không có ý kiến, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8.2] Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã thu của bị cáo Nguyễn Văn Q 01 căn cước công dân, là tài sản của bị cáo, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; nơi thường trú: Th, Th, T; ngày cấp 19/4/2019; nơi cấp Cục Cảnh sát QLHS và TTXH. (*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 12 năm 2019*).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/01/2020. Bị hại anh Lê Đức V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Công L, anh Nguyễn Thế Ph vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền